

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2018**
(Căn cứ phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

Tên quỹ:	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Techcom Viết tắt: TCEF
Loại hình quỹ:	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư:	Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa các rủi ro cho Nhà Đầu tư.
Thời hạn hoạt động:	Không thời hạn
Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)	Không áp dụng
Chính sách phân chia lợi nhuận:	Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.
Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:	19.234.600,65 (thời điểm 31/12/2018)
Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết như nội dung Phụ lục 1.
Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 Quỹ TCEF: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính 2017 - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2017 - Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2017 - Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018 của Quỹ - Thông qua việc thực hiện chi trả chi phí của Quỹ theo các mức quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch; Mức thù lao cho cá thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là 10.000.000 VNĐ/người/tháng - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ TCEF năm 2018
Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư số 183/2011/TT-BTC	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 31/12/2018:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 %
Danh mục chứng khoán	68.73%	77.54%	82.16%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	27.53%	22.22%	12.06%
Tài sản khác	3.74%	0.24%	5.77%
	100%	100%	100.00%

Giá trị tài sản ròng của Quỹ:	242,302,803,215.00
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ	19,234,600.65
Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành	12,597.23
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong kỳ:	17,144.64
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong kỳ:	12,380.73

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	(18,989,337,930)
2	Cổ tức được chia	10,362,668,215
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	(50,083,686,413)
4	Tổng chi phí	(8,359,157,774)
	Tổng lợi nhuận	(67,069,513,902)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị Quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ năm 2018	2.29%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ năm 2017	3.11%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối năm 2018	351.08%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối năm 2017	296.89%

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm):	(67,069,513,902)
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm):	(37,972,438,390)
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm):	(40,386,266,120)

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.

b. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: không áp dụng

c. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): không áp dụng

d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): không áp dụng

e. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và yếu tố thị trường. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư của Quỹ không nằm ngoài chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị hay sự kết hợp của cả hai chiến lược này.

Theo đó, chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào:

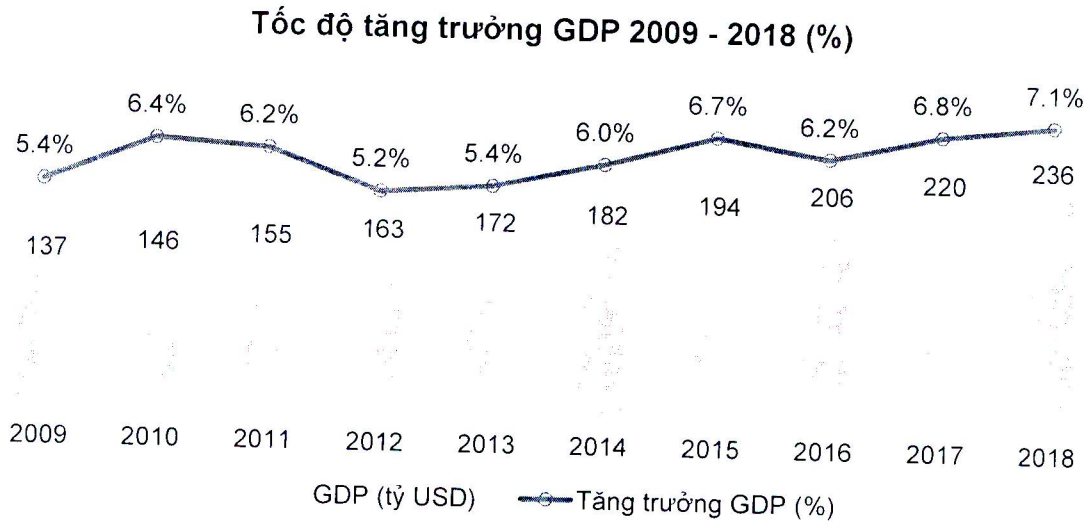
- Nhóm chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu có vốn hóa lớn và trái phiếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao hoặc được ngân hàng uy tín bảo lãnh;
- Nhóm chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao;
- Nhóm chứng khoán có mức định giá hấp dẫn;
- Nhóm chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

f. Đánh giá biến động của thị trường:

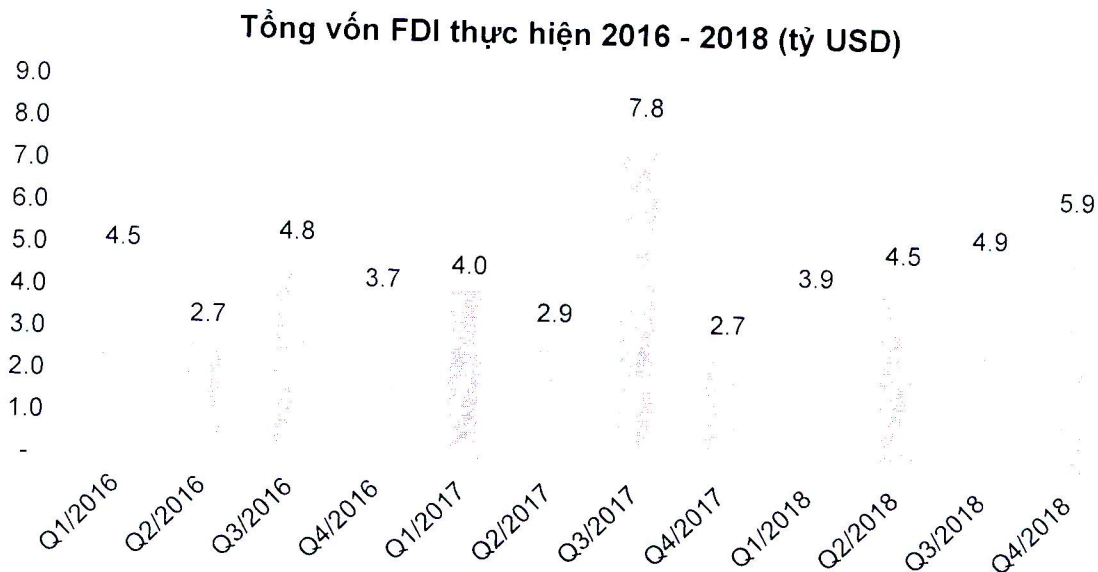
Tình hình kinh tế năm 2018

Tăng trưởng GDP cả năm 2018 của Việt Nam đạt 7.1%, vượt chỉ tiêu 6.7% mà quốc hội đề ra và là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 đến nay. Khu vực công nghiệp và xây dựng là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế với mức tăng trưởng 8.9%, đóng góp 48.6% GDP. Khu vực dịch vụ tăng 7%, đóng góp 42.7% GDP. Nông, lâm, thủy sản tăng 3.8%, đóng góp 8.7% GDP.



Nguồn: GSO

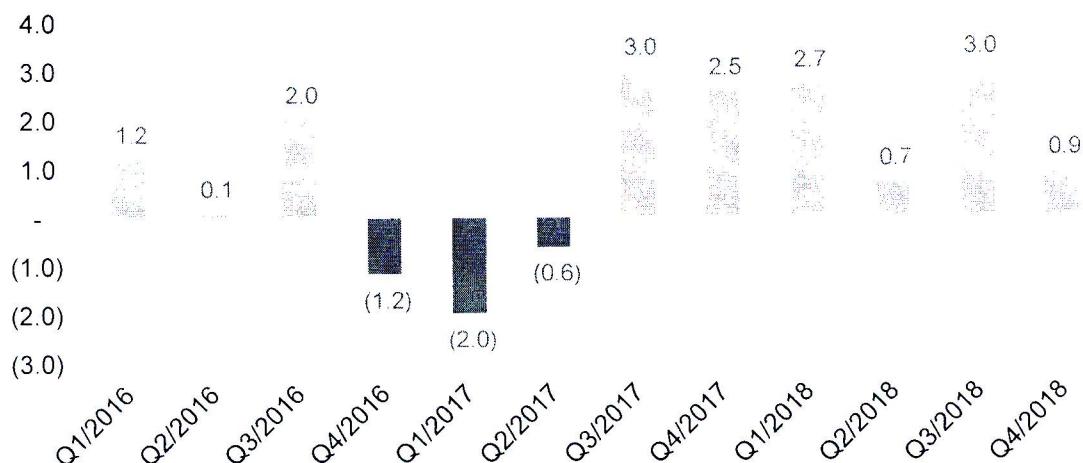
Tốc độ phát triển cao của ngành công nghiệp – xây dựng ghi nhận sự đóng góp tích cực của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) như Samsung, Formosa, LG... Xu hướng đầu tư vào Việt Nam tiếp tục tăng. Tổng vốn FDI thực hiện trong năm 2018 đạt 19.1 tỷ USD, tăng 9.1% so với cùng kỳ 2017. Trong năm 2018 còn có 6.496 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 9,9 tỷ USD, tăng 59,8% so với cùng kỳ năm 2017.



Nguồn: GSO

Các doanh nghiệp FDI cũng giúp cán cân thương mại Việt Nam được cải thiện khi xuất siêu trong cả 4 quý và thặng dư thương mại cả năm 2018 đạt khoảng 7.2 tỷ USD.

Cán cân thương mại 2016 - 2018 (tỷ USD)

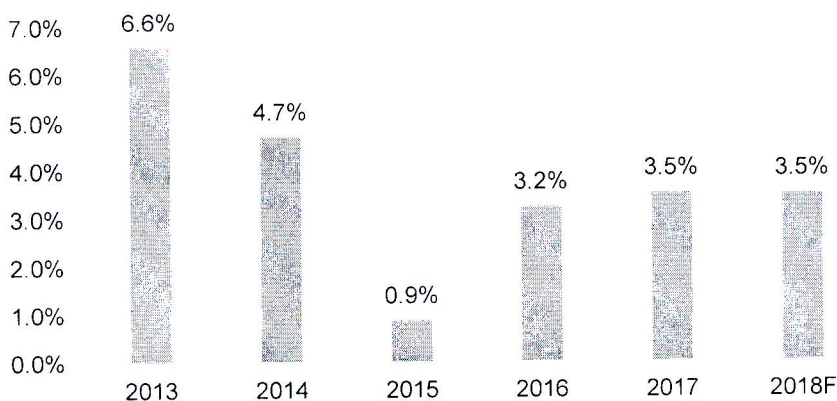


Nguồn: GSO

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 đạt khoảng 4,396 tỷ đồng, tăng 11.7% so với năm trước (sau khi loại yếu tố tăng do giá 9.4%). Tính riêng bán lẻ hàng hóa, doanh thu đạt hơn 3,306 tỷ đồng và tăng 12.4% so với năm trước.

Lạm phát cả năm 2018 ước đạt khoảng 3.5%. Đây được coi là thành công của Chính phủ đối với công tác điều hành kinh tế trong bối cảnh giá cả các hàng hóa chính như thực phẩm, năng lượng, giao thông vận tải đều tăng cao. Theo đó, Chính phủ có những động thái chủ động điều tiết hài hòa lộ trình tăng giá của các dịch vụ công như điện, xăng dầu, y tế, giáo dục.

Lạm phát 2013 - 2017 và ước tính 2018 (%)

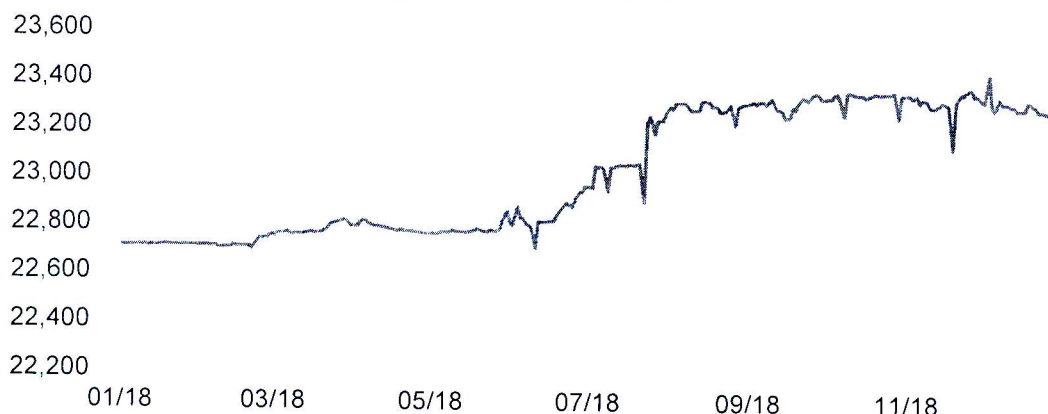


Nguồn: Worldbank

Mặt bằng lãi suất tăng nhẹ trong nửa cuối năm 2018, chủ yếu ở lãi suất huy động với các kỳ hạn không chịu mức trần của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Lãi suất cho vay ổn định trong cả năm, phổ biến ở mức 6 – 9%/năm đối với vay ngắn hạn và 9 – 11% đối với vay dài hạn. Mặt bằng này cũng phù hợp với định hướng chính sách của Chính phủ để đảm bảo mục tiêu ổn định lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng.

Áp lực tỷ giá USD/VND bắt đầu tăng mạnh từ giữa năm 2018 do căng thẳng chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Tỷ giá của hệ thống ngân hàng thương mại hiện phổ biến ở mức 23,360, tăng 2.6% so với mức đầu năm 2018 và gần ngưỡng trần 3% của Ngân hàng Nhà nước.

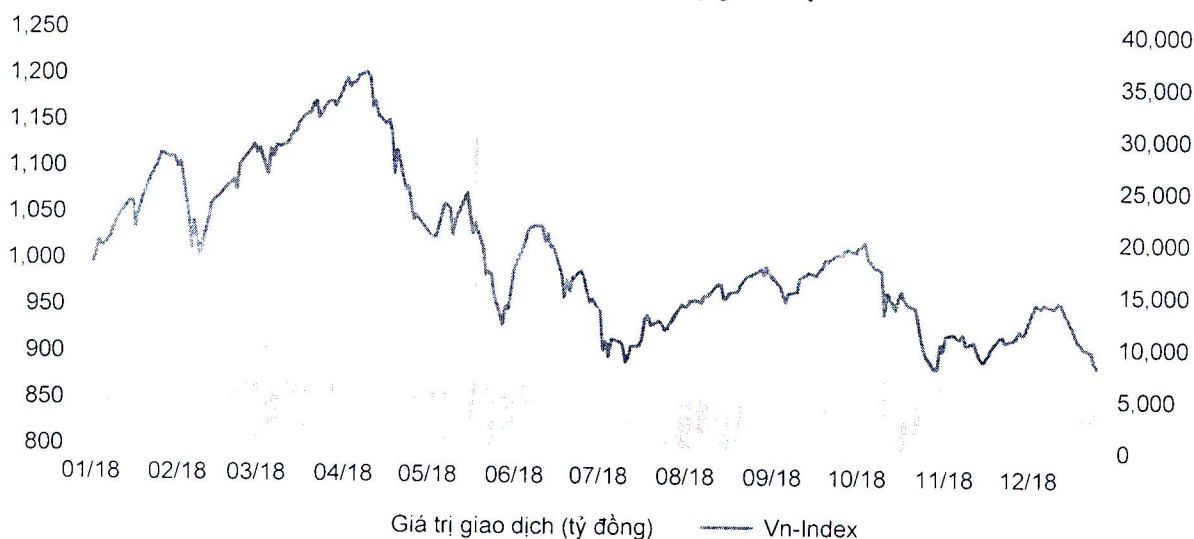
Tỷ giá USD/VND năm 2018



Nguồn: GSO

Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

Diễn biến Vn - Index và giá trị giao dịch 2018



Nguồn: GSO

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trải qua một năm biến động. Trong quý 1/2018, VNIndex là một trong những thị trường có mức tăng trưởng tốt nhất trên thế giới (~22%) và tạo lập mức đỉnh lịch sử 1,204 điểm tháng 4/2018. Nhưng sau đó, thị trường liên tục điều chỉnh và đóng cửa ở mức 892 điểm tại ngày 28/12/2018, tương ứng giảm 26% từ đỉnh và giảm khoảng 9% so với đầu năm nay. Một số nguyên nhân cho sự suy giảm là:

- Động thái tăng lãi suất nhanh hơn dự kiến của các ngân hàng trung ương (FED, ECB) cũng như căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã tác động mạnh đến thị trường chứng khoán toàn cầu, trong đó có Việt Nam
- Tại mức đỉnh 1,204 điểm, thị trường Việt Nam đã không còn rẻ với P/E trung bình ở mức 22x, cao hơn các thị trường khác trong khu vực.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận 4 quý gần nhất của các doanh nghiệp niêm yết vẫn ở mức dương nhưng đang có xu hướng giảm dần, từ 42.1% quý 4/2017 xuống 19.9% quý 1/2018, 18.7% quý 2/2018 và 9.0% quý 3/2018.

Tuy nhiên, việc thị trường điều chỉnh cũng thiết lập một mặt bằng giá hợp lý hơn giai đoạn trước. P/E trung bình thị trường hiện khoảng 15 – 16x, thấp hơn so với mức 22x tại đỉnh tháng 4/2018.

g. Hiệu quả hoạt động của Quỹ: Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là --18,37% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị Quỹ trong kỳ (nếu có): Không có.

h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: Không có.

i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

j. Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): Không có.

b. Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 10, Điều lệ quỹ quy định: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến kỳ định giá ngày 09 tháng 07 năm 2018, kỳ định giá ngày 14 tháng 08 năm 2018, từ kỳ định giá ngày 17 tháng 10 năm 2018 đến kỳ định giá ngày 23 tháng 10 năm 2018, từ kỳ định giá ngày 10 tháng 12 năm 2018 đến kỳ định giá ngày 12 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trên tổng tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật lần lượt chậm nhất ngày 02 tháng 10 năm 2018, ngày 14 tháng 11 năm 2018, ngày 31 tháng 10 năm 2018 và ngày 24 tháng 12 năm 2018.

Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật lần lượt tại kỳ định giá ngày 10 tháng 07 năm 2018, kỳ định giá ngày 15 tháng 08 năm 2018, kỳ định giá ngày 24 tháng 10 năm 2018 và kỳ định giá ngày 13 tháng 12 năm 2018.

Từ kỳ định giá ngày 13 tháng 12 năm 2018 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan.

c. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:

- Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Không có.

- Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.

d. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có.

Chi tiết về việc phát hành CCQ:

Chỉ tiêu	Số lượng CCQ
Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2017:	6,331,728.53
Tổng số CCQ phát hành thêm trong kỳ:	24,304,327.83
Tổng số CCQ mua lại trong kỳ:	11,401,455.71
Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2018:	19,234,600.65

e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (NHGS) phát hiện: Không có.

f. Các hoạt động khác: Không có.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	1,077,269,672
% Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận	-1.61%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Thu nhập	10.40%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí	12.89%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	1,077,269,672
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	132,000,000
Chi phí dịch vụ lưu ký	240,473,937
Chi phí dịch vụ giám sát	201,447,857
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	503,347,878

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam. Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị trên đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ TCEF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2018 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đối với Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom (TCEF).

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



PHỤ LỤC 1:
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TECHCOM (TCEF)

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 09 tháng 05 năm 2018.

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Bổ sung CƠ SỞ PHÁP LÝ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán; 		Điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.
2	<p>Sửa đổi CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH như sau:</p> <p>“Ngày định giá: Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.</p>	<p>Ngày định giá: Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là ngày Thứ Ba hàng tuần cho kỳ định giá tuần và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.</p>	Tăng tần suất giao dịch của Quỹ và điều chỉnh làm rõ nghĩa.
3	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 16 như sau:</p> <p>16.2. Tần suất giao dịch:</p> <p>Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (tần suất giao dịch hàng ngày). Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật. <p>Việc giám tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.</p>	<p>16.2. Tần suất giao dịch:</p> <p>Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào ngày Thứ Ba hàng tuần (“Ngày Giao Dịch”). Nếu Ngày Thứ Ba không phải là ngày làm việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày Thứ Hai, thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang Thứ Ba ngay sau đó.</p> <p>Việc tăng tần suất sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo Bạch, công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.</p>	Tăng tần suất giao dịch của quỹ

4	<p>Sửa đổi khoản 5 Điều 54 như sau: Trong thời gian năm (05) Ngày Lâm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ: Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư. Chi tiết ngày thanh toán tiền mua lại chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ công bố trên trang web theo từng kỳ.</p>	<p>Việc giám tân suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tân suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng. Trong thời gian năm (05) Ngày Lâm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ: Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.</p>	<p>Điều chỉnh theo thực tế hoạt động của Quỹ và làm rõ nghĩa.</p>
5	<p>Sửa đổi khoản 2,3 Điều 58 như sau: 58.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.</p> <p>Giá dịch vụ lưu ký: Giá dịch vụ Lưu Ký sẽ là 0,05% /NAV/năm và thấp nhất là 11.500.000 đồng/ tháng.</p> <p>Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VND/giao dịch.</p> <p>Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí/giá dịch vụ ngoài thông thường như chi phí/giá dịch vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....</p> <p>Giá dịch vụ giám sát: Giá dịch vụ dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,03%/NAV/năm</p> <p>Mức phí thấp nhất là 11.500.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT) áp dụng cho thời gian 6 tháng kể từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tân suất hàng ngày. Mức phí thấp nhất này sẽ được điều chỉnh lên</p>	<p>58.2 Phí giám sát và lưu ký Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.</p> <p>Phí lưu ký: Phí Lưu Ký sẽ là 0,03% /NAV/năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/ tháng</p> <p>Phí giao dịch chứng khoán: 150.000 VND/giao dịch.</p> <p>Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....</p> <p>Phí giám sát: Phí dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,05%/NAV/năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)</p>	<p>Điều chỉnh giá dịch vụ khi Quỹ tăng tân suất giao dịch</p>

	<p>58.3</p> <p>16.500.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT) sau thời gian trên.</p> <p>Giá dịch vụ quản trị Quỹ</p> <p>Giá dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04%/NAV/năm. Mức phí thấp nhất là 47.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT) áp dụng cho thời gian 6 tháng kể từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tần suất hàng ngày. Mức phí thấp nhất này sẽ được điều chỉnh lên 54.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT) sau thời gian trên.</p> <p>Giá dịch vụ soạn báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT) và chỉ áp dụng sau 6 tháng kể từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tuần suất hàng ngày.</p>	<p>58.3</p> <p>Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ</p> <p>Phí dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04%/NAV/năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)</p>	
<p>6</p>	<p>Theo quy định tại Thông tư 241/2016/TT-BTC ban hành ngày 11/11/2016 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Thông tư số: 242/2016/TT-BTC ban hành ngày 11/11/2016 về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tên các loại "phí" nêu tại Điều lệ Quỹ được điều chỉnh bởi các thông tư trên sẽ được sửa thành "giá dịch vụ" tương ứng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ có trách nhiệm sửa tương ứng các nội dung trên tại Điều lệ Quỹ cập nhật.</p>		<p>Điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>



